

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2024/HC-PT

Ngày 24 - 6 - 2024

*V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 96/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn C.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5838/2024/QĐ-PT ngày 06/6/2024 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966, có mặt;

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C ủy quyền cho ông Nguyễn Trần T, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu tập thể B xuất khẩu, T, Hà Nội;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông C: Ông Trần Tuấn A, Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, vắng mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Long B, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện L;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh T1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L, (theo văn bản ủy quyền số 398/GUQ-UBND ngày 14/3/2023) có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh T1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L (theo văn bản ủy quyền số 991/GUQ-UBND ngày 17/5/2023), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. UBND xã B, huyện L;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Chủ tịch UBND xã;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã (theo văn bản ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 26/4/2023), có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1960, có mặt;

Trú tại: T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Nguyễn Văn C có thửa đất nông nghiệp diện tích 198,8m² số thửa 757 tờ bản đồ số 21 tại khu vực Đ thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất nhưng là đất của ông, gia đình ông sử dụng ổn định từ trước tới nay không tranh chấp với ai và đóng thuế đầy đủ. Khoảng năm 2020 UBND xã B có gọi gia đình ông đến để xác nhận diện tích đất nông nghiệp tại khu vực Đ thôn T, xã B thừa thiếu trên thực tế so với sổ sách, lúc đó không ai nói đến việc thu hồi. Đầu năm 2021 ông được thông báo về diện tích đất gia đình ông bị thu hồi là 198,8m² và giá đền bù là 197.000đ/01m² (bao gồm cả tiền đất và tiền hoa màu). Tuy nhiên, ông không đồng ý với mức bồi thường. Sau khi UBND xã B vận động gia đình ông nhận tiền không được thì nhiều lần gây sức ép cho gia đình ông. Đến ngày 05/10/2021 UBND huyện L cùng UBND xã B đã tiến hành cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông mặc dù gia đình ông không đồng ý và đến nay gia đình ông vẫn chưa nhận tiền đền bù. Sau khi xã đồ đất ông có trồng chuối, bưởi, mít, cam, nhãn nhưng cũng bị xã cho máy mức đến mức bỏ.

Trong khoảng từ năm 2020 đến năm 2021 gia đình ông có nhận được các văn bản gồm: Nghị quyết số 49/NQ - HĐND ngày 18/12/2017 về việc chấp thuận thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc của Hội đồng nhân dân tỉnh V; Nghị quyết số 50/NQ - HĐND ngày

18/12/2017 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện các công trình, dự án trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc của Hội đồng nhân dân tỉnh V; Quyết định số 915/QĐ - UBND ngày 20/4/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 địa bàn huyện L của UBND tỉnh V; Quyết định số 2173/QĐ - UBND ngày 24/9/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2018 địa bàn huyện L của UBND tỉnh V; Thông báo số 13/TB - UBND ngày 10/02/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Khu đất dịch vụ tại khu vực Đ, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc của UBND huyện L; Quyết định số 591/QĐ - UBND ngày 20/02/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện L của UBND tỉnh V; Quyết định số 590/QĐ - UBND ngày 15/4/2020 về việc thu hồi đất tại xã B để xây dựng công trình: Khu đất dịch vụ tại khu vực Đ, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc của UBND huyện L; Quyết định số 1817/QĐ - CTUBND ngày 06/8/2021 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đất dịch vụ tại khu vực Đ, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc của UBND huyện L; Giấy mời số: 03/GM - BCCTHD về việc dự Hội nghị đối thoại (lần 2) ngày 17/8/2021 của Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất dự án khu đất dịch vụ tại khu vực Đ, xã B; Thông báo số 07/TB - BCCTHD thời gian thực hiện cưỡng chế Quyết định thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Khu đất dịch vụ tại khu vực Đ, xã B. Toàn bộ những văn bản trên gia đình ông có nhận nhưng không có ký nhận văn bản nào.

UBND huyện L ban hành Quyết định số 590/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 590) ngày 15/4/2020 về việc thu hồi đất tại xã B để xây dựng công trình khu đất dịch vụ tại khu Đ, xã B, huyện L. Ông không đồng ý với quyết định thu hồi và khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định 590/QĐ-UBND, với các lý do sau:

Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, trồng rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ để thực hiện các công trình dự án trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2018. Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2017 của HĐND về việc chấp thuận thu hồi đất để triển khai thực hiện các công trình dự án trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2018. Các nghị quyết nêu trên không còn hiệu lực bởi các quyết định này được HĐND ban hành để thực hiện các dự án công trình trên địa bàn tỉnh năm 2018. Trên thực tế các nghị quyết trên không còn phù hợp với phê duyệt quy hoạch của cơ quan chức năng có thẩm quyền tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn hiện nay.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 về việc thu hồi đất thực hiện dự án do HĐND cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm:

Dự án xây dựng trụ sở cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương.

Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị, công trình thu gom xử lý chất thải.

Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở T4; khu văn hóa thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng, chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng.

Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị; khu dân cư nông thôn, cụm công nghiệp, khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy, hải sản tập trung, dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán. Nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản.

Việc thu hồi đất của UBND huyện L để thực hiện dự án khu đất dịch vụ khu vực Đ, xã B, huyện L không thuộc đối tượng thu hồi đất thực hiện các dự án do HĐND cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất.

Đồng thời yêu cầu UBND huyện L, UBND xã Bàn Giản mức bồi phần đất (đã đổ lên đất nông nghiệp của ông) để trả lại đất cho gia đình ông canh tác và đền bù hoa màu, cây cối của gia đình ông bị phá hoại tổng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tiền không canh tác trồng lúa, hoa màu được trên đất là 6.000.000đ (sáu triệu đồng)/năm kể từ ngày 05/10/2021 đến khi trả lại đất cho ông.

Người bị kiện là UBND huyện L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện L trình bày:

Dự án khu đất dịch vụ tại khu Đ, xã B, huyện L có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã được UBND tỉnh phê duyệt và chấp thuận địa điểm để lập QHCT tỷ lệ 1/500 tại Văn bản số 10375/UBND - CN3 ngày 27/12/2019. Dự án có trong Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/12/2017 của HĐND tỉnh V về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện các công trình dự án. Việc thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: Quy định tại khoản 3 điều 62 luật đất đai năm 2013 có trong Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/12/2017 của HĐND tỉnh V về việc chấp thuận thu hồi đất thực hiện các công trình dự án. UBND huyện L thu hồi đất theo quy định tại Điều 69 luật Đất đai, cụ thể:

Thành lập HĐBT giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của UBND huyện L.

Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm tại kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện L.

Ban hành Thông báo thu hồi đất số 13/TB - UBND ngày 10/02/2020 của UBND huyện L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

UBND xã B đã gửi giấy mời ngày 13/02/2020 đến các hộ dân về thông báo thu hồi đất vào 08h ngày 14/02/2020.

Biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với ông Nguyễn Văn C ngày 19/02/2020. Bà Hoàng Thị Y (vợ ông C) đã ký biên bản kiểm kê.

Niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ GPMB từ ngày 24/02/2020 - 16/3/2020. Tổng hợp đóng góp ý kiến ngày 16/3/2020: Không có ý kiến tham gia.

Ngày 14/4/2020 phòng T5 ban hành tờ trình số 217/TTr - TNMT; ngày 15/4/2020 UBND huyện ban hành Quyết định số 590/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại xã B để xây dựng công trình: Khu đất dịch vụ tại khu vực Đ, xã B, huyện L. Cụ thể thu hồi của ông C diện tích 198,5m² đất chuyên trồng lúa nước tại thửa 757, tờ bản đồ số 21.

Ngày 14/4/2020 Phòng TNMT ban hành tờ trình số 214/TTr – TNMT; ngày 14/4/2020 UBND huyện ban hành Quyết định 951/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu đất dịch vụ tại khu vực Đ, xã B, huyện L. Cụ thể thu hồi của ông C diện tích 198,5m² đất chuyên trồng lúa nước tại thửa 757, tờ bản đồ số 21.

- Về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất:

Vào các ngày 21/4/2020; ngày 29/4/2020 và 12/5/2020 UBND xã B đã mời và chi trả tiền cho ông C nhưng hộ ông C không nhận.

Ngày 04/11/2020 UBND xã B vận động hộ ông C nhận tiền đền bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng để giải phóng mặt bằng.

Niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ GPMB từ ngày 22/4/2021- 12/5/2021. Tổng hợp đóng góp ý kiến ngày 13/5/2021: Không có ý kiến tham gia.

Niêm yết công khai quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng từ ngày 27/5/2021-17/6/2021.

Ngày 23/6/2021 UBND xã B tiến hành làm việc với hộ ông C (Y), hộ chưa đồng ý nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng.

Ngày 07/7/2021 Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện làm việc giải quyết vướng mắc và vận động, thuyết phục các hộ dân có đất thu hồi thuộc dự án: Khu đất dịch vụ tại khu vực Đ, xã B.

Ngày 04/8/2021, Phòng T5 ban hành Tờ trình số 415/TTr-TNMT; Ngày 06/8/2021, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1810/QĐ-CTUBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C (Y) thôn T, xã B.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1810/QĐ-CTUBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C (Y) thôn T, xã B để thực hiện dự án: Khu đất dịch vụ tại khu vực

Đ, xã B, huyện L đã được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, việc áp dụng các chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn C là đầy đủ và đúng quy định.

- Về việc ông Nguyễn Văn C yêu cầu giá đất đền bù thỏa đáng, yêu cầu UBND huyện L, UBND xã Bàn Giản mức bỏ phần đất (đã đổ lên đất nông nghiệp của ông) để trả lại đất cho ông canh tác và đền bù hoa màu, cây cối của gia đình ông bị phá hoại tổng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tiền không canh tác trồng lúa, hoa màu được trên đất là 6.000.000đ (sáu triệu đồng)/năm kể từ ngày 05/10/2021 đến khi trả lại đất cho ông.

Ngày 14/4/2020, UBND huyện L ban hành Quyết định số 591/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu đất dịch vụ tại khu vực Đ, xã B, huyện L. Tại Quyết định số 591/QĐ-UBND đã phê duyệt phương án hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn C gồm: Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất là 2.550.000 đồng và hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm là 21.250.000 đồng (việc hỗ trợ này được UBND tỉnh V quy định tại Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 và Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015). Việc cưỡng chế đất do ông C không thực hiện quyết định thu hồi đất; các tài sản, cây cối hoa màu trên đất đã được kiểm kê theo biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với ông Nguyễn Văn C ngày 19/02/2020 đại diện hộ đã ký. Do vậy việc ông Nguyễn Văn C yêu cầu giá đất đền bù thỏa đáng, yêu cầu UBND huyện L, UBND xã Bàn Giản mức bỏ phần đất (đã đổ lên đất nông nghiệp của ông) để trả lại đất cho ông canh tác và đền bù hoa màu, cây cối của gia đình ông bị phá hoại tổng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tiền không canh tác trồng lúa, hoa màu được trên đất là 6.000.000đ (sáu triệu đồng)/năm kể từ ngày 05/10/2021 đến khi trả lại đất cho ông là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Ủy ban nhân dân huyện L, Chủ tịch UBND huyện L không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Y trình bày: bà là vợ ông Nguyễn Văn C. Bà kết hôn với ông C năm 1987. Bà xác định toàn bộ nội dung vụ việc như ông C trình bày là đúng và hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã B trình bày:

Ngày 13/02/2020 UBND huyện L ban hành thông báo thu hồi đất số 13/TB - UBND của UBND huyện L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng. UBND xã B đã gửi giấy mời ngày 13/02/2020 đến các hộ dân về thông báo thu hồi đất vào hồi 08 giờ 00 ngày 14/02/2020. Tại biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ Nguyễn Văn C ngày 19/02/2020, đại diện hộ bà Hoàng Thị Y đã ký. Tiến hành niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng từ ngày

24/02/2020 - 16/3/2022. Tổng hợp ý kiến tham gia ngày 16/3/2020: Không có ý kiến.

Theo Quyết định số 590 hộ ông Nguyễn Văn C bị thu hồi diện tích 198,8m² (thửa số 05 theo bản đồ thu hồi), hộ ông C không chấp hành quyết định thu hồi nên UBND huyện L có quyết định về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C. Việc thực hiện cưỡng chế diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn C là hoàn toàn đúng quy trình, quy định của pháp luật.

Mục đích thu hồi đất là để chi trả đất dịch vụ cho những hộ gia đình cá nhân trên địa bàn bị thu hồi đất giai đoạn từ năm 2009 - 2015 theo Quyết định số 06/2012 ngày 23/02/2012 của UBND tỉnh V. Khi thu hồi và cưỡng chế việc đổ đất, san nền do các hộ được giao đất (những hộ bị thu hồi đất giai đoạn từ năm 2009 - 2015) tự làm, UBND xã B không làm.

UBND xã B không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định; căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND huyện L về việc thu hồi đất tại xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (phần liên quan đến gia đình ông C); yêu cầu UBND huyện L, UBND xã B mức bỏ phần đất (đã đổ lên đất nông nghiệp của ông) để trả lại đất cho ông canh tác và đền bù hoa màu, cây cối của gia đình ông bị phá hoại tổng số tiền là 20.000.000đ, tiền không canh tác trồng lúa, hoa màu được trên đất là 6.000.000đ/năm kể từ ngày 05/10/2021 đến khi trả lại đất cho ông.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, xử lý tiền tạm ứng án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử sửa bản án sơ thẩm nêu trên để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người khởi kiện trình bày: Các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là trái quy định của pháp luật. Bởi vì, việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trên 10ha nhưng chưa được Thủ tướng chính phủ phê duyệt chấp thuận; UBND huyện L thu hồi đất của dân nhưng đề phân lô, bán nền là không đúng. Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông C không có yêu cầu nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C để hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm; Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định

của pháp luật tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, đúng quy định của pháp luật nên đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đảm bảo được quyền lợi cho các đương sự; tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định hành chính số 590/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc về thu hồi đất tại xã B để xây dựng công trình: Khu đất dịch vụ tại khu vực Đ, xã B, huyện L, trong đó có thu hồi diện tích 198,8m² thuộc thửa số 757, tờ bản đồ số 21 của gia đình ông C; đây là quyết định hành chính của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; người ban hành là UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 15/4/2020 UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện, nhưng đến ngày 23/6/2021 UBND xã B mới làm việc với hộ dân và các hộ dân (trong đó có ông Nguyễn Văn C) mới nhận được Quyết định 590. Hơn nữa, ngoài quyết định hành chính bị khởi kiện thì còn có Quyết định số 1816/QĐ-CTUBND, (sau đây gọi tắt là Quyết định 1816) ngày 06/8/2021 là quyết định hành chính có liên quan, do ông C không thực hiện nên đã bị Chủ tịch UBND huyện L ban hành quyết định để cưỡng chế thu hồi đất; đến ngày 20/01/2022 ông Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn

vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND, ngày 18/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh V về việc chấp thuận thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong năm 2018; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh V về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện công trình, dự án trong năm 2018; căn cứ Công văn số 10375/UBND-CN3, ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh V về chấp thuận địa điểm lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất dịch vụ tại khu Đ, xã B, huyện L; UBND huyện L đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về thu hồi đất, như: Lập kế hoạch thu hồi đất, quyết định thành lập hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng về thu hồi đất, thông báo thu hồi đất; tiến hành điều tra, khảo sát kiểm đếm xác định tài sản, diện tích đất thu hồi, nguồn gốc sử dụng đất. Sau khi thực hiện đầy đủ các bước trình tự theo đúng quy định của pháp luật; ngày 15/4/2020 UBND huyện L đã ban hành Quyết định 590 về thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án. Theo đó, đã thu hồi của gia đình ông Nguyễn Văn C diện tích 198,8m² thuộc thửa số 757, tờ bản đồ số 21. Như vậy, tuy UBND huyện L có vi phạm về thời hạn thông báo thu hồi đất, nhưng về trình tự thủ tục, thẩm quyền được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 28 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nên không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các hộ có đất bị thu hồi. Ông C cho rằng Nghị quyết 49/NQ-HĐND và Nghị quyết số 50/NQ-HĐND, cùng ngày 18/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh V không còn hiệu lực là thiếu căn cứ. Bởi vì, các Nghị quyết này nằm trong kế hoạch đầu tư công trình trung hạn từ năm 2016 đến năm 2020.

[4] Đối với Quyết định 591, thấy: Như đã phân tích ở trên, việc thu hồi đất của UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc là đúng quy định của pháp luật; ngày 19/02/2020 Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tiến hành kiểm kê đất và tài sản trên đất, việc kiểm kê được thực hiện bởi sự chứng kiến của đại diện hộ gia đình, bà Hoàng Thị Y (là vợ ông C) đã ký vào biên bản; sau khi lập phương án bồi thường đã niêm yết công khai phương án bồi thường theo đúng quy định, các hộ dân (trong đó có gia đình ông C) không ai có ý kiến gì; trên cơ sở tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, ngày 15/4/2020 UBND huyện L đã ban hành Quyết định 591 để phê duyệt phương án bồi thường là đúng quy định. Theo đó, hộ gia đình ông Nguyễn Văn C được bồi thường, hỗ trợ gồm: Ổn định đời sống và ổn định sản xuất với số tiền 2.550.000đ, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm là 21.250.000đ là đúng quy định tại Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 và Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh V. Do đó, việc ông Nguyễn Văn C yêu cầu đền bù hoa màu, cây cối trên đất do bị thu hồi đất là 20.000.000đ và chi trả tiền không canh tác được với số tiền 6.000.000đ/ năm là không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn C không còn yêu cầu nội dung này nên cấp sơ thẩm không

xem xét là phù hợp

[5] Về quyết định cưỡng chế thu hồi đất, thấy: Như đã phân tích trên, việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật, sau khi ban hành các quyết định trên UBND huyện L đã giao cho ông Nguyễn Văn C, đồng thời nhiều lần mời gia đình ông C đến nhận tiền bồi thường, vận động, thuyết phục ông C chấp hành, nhưng gia đình ông Nguyễn Văn C không chấp hành; ngày 03/8/2021 Ban quản lý dự án huyện L đã có Văn bản số 81/QLDA-GPMB đề nghị Chủ tịch UBND huyện L ban hành quyết định cưỡng chế, thu hồi đất; trên cơ sở hồ sơ do các ban ngành lập, ngày 06/8/2021 Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 1810/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, cũng như ngày 20/9/2021 Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 2264/QĐ-CT về việc gia hạn thời gian cưỡng chế thu hồi đất của ông Nguyễn Văn C; sau đó tổ chức cưỡng chế để thu hồi đất là đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai; Điều 7, Điều 8 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh V.

Tổng hợp các phân tích trên, thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2023/HC-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 00008838, ngày 29/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc, xác nhận ông C đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2b), phòng HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm